TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Mạnh Thìn; bà Trần Thị Dần.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- *NguY đơn:* Chị **Bùi Thị V** - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn L, xã TM, huyện TT, TH.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Ngọc Y** - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn L, xã TM, huyện TT, TH.

Tại phiên tòa chị V, anh Y vắng (Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Y vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2023, bản tự khai ngày 21/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguY đơn là chị Bùi Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Bùi Thị V và anh Đặng Ngọc Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuY xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị được ly hôn anh Y.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc B (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/10/2015. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đặng Ngọc B và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Y để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Y đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguY đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Đặng Ngọc Y. Về con chung, giao cháu Đặng Ngọc B, sinh ngày 11/10/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

- Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Đặng Ngọc Y. Anh Y cư trú tại huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Đặng Ngọc Y nhưng anh Y vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Y và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đặng Ngọc Y theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh Y đã được triệu tập đến tham

gia hòa giải nhưng anh Y đều vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Y cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị V và anh Đặng Ngọc Y.

[2] Về hôn nhân: Bùi Thị V và anh Đặng Ngọc Y đã đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuY xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị V và anh Y đã sống ly thân từ tháng 11/2022. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị được ly hôn anh Y.

Hội đồng xét xử thấy: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Y, thông báo kết quả về tiếp cận chứng cứ, tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Y không đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa anh và chị V; Từ khi chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Y, anh Y không đến tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh Y là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh Y có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc B (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/10/2015. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đặng Ngọc B và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

HĐXX thấy: Hiện nay, cháu Đặng Ngọc B đang sinh sống với chị V, được chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu B, nếu bố mẹ ly hôn, cháu B muốn ở với mẹ. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc B. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị V và cháu Đặng Ngọc B. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu B, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đặng Ngọc B của chị V. Chị V không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V, đây là sự tự nguyện của chị V, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Đặng Ngọc Y.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đặng Ngọc B (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/10/2015 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Ngọc Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Anh Đặng Ngọc Y có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị V đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007968 ngày 27/02/2023. Chị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi ành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị V và anh Đặng Ngọc Y. Chị V và anh Y có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TM;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn